

Số: 08 /BC-UBND

Hưng Yên, ngày 16 tháng 01 năm 2014

BÁO CÁO

Giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2013

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15/12/2009 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư; Thông tư số 13/2010/TT-BKH ngày 02/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư.

Thực hiện Công văn số 10079/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 16/12/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lập và gửi báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư năm 2013, UBND tỉnh Hưng Yên tổng hợp báo cáo như sau:

I. TÌNH HÌNH BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN CÁC CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ THEO THẨM QUYỀN

Trong năm 2013 UBND tỉnh Hưng Yên không ban hành các văn bản mới liên quan đến lĩnh vực đầu tư.

II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ QUY HOẠCH

1. Tình hình lập thẩm định, phê duyệt các dự án quy hoạch

Năm 2013, tỉnh Hưng Yên đã tổ chức lập 18 dự án quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, sản phẩm của tỉnh với tổng kinh phí cấp 3.974 triệu đồng. Trong đó có 7 dự án quy hoạch đã được phê duyệt, 11 dự án quy hoạch đang tiếp tục được xây dựng, chi tiết cụ thể như sau:

STT	Tên dự án quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch	Số quyết định phê duyệt	Kế hoạch vốn giao đến hết năm 2013	Vốn đã giải ngân
I	Quy hoạch đã được phê duyệt		2,575	2,575
A	Quy hoạch chuyển tiếp từ năm trước sang		2,575	2,575
1	Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015 có xét đến năm 2020	6621/QĐ-BCT ngày 19/12/2011	300	300

2	Quy hoạch phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2020	195/QĐ-UBND ngày 21/01/2013	137	137
3	Quy hoạch phát triển mạng lưới bán buôn bán lẻ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2020	196/QĐ-UBND ngày 21/01/2013	137	137
4	Quy hoạch phát triển hạ tầng thương mại nông thôn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025	1545/QĐ-UBND ngày 08/8/2013	500	500
5	Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển thủy lợi tỉnh Hưng Yên đến năm 2015 và định hướng đến năm 2022	1015/QĐ-UBND ngày 17/6/2013		
6	Quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Hưng Yên đến năm 2025	300/QĐ-UBND ngày 01/02/2013		
7	Quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2020	2466/QĐ-UBND ngày 23/12/2013	1,500	1,500
II	Quy hoạch đang triển khai lập		1,399	1,399
A	Quy hoạch chuyển tiếp từ năm trước sang		1,399	1,399
1	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hưng Yên đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030		700	700
2	Quy hoạch phòng, chống lũ chi tiết tuyến sông Hồng, sông Luộc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020		699	699
3	Quy hoạch chi tiết phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tỉnh Hưng Yên đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025		Chưa phân bổ kinh phí	
B	Quy hoạch lập mới năm 2013		-	-
1	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Yên Mỹ đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030		Chưa phân bổ kinh phí	
2	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Mỹ Hào đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030		Chưa phân bổ kinh phí	
3	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Văn Lâm đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030		Chưa phân bổ kinh phí	

4	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Văn Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030		Chưa phân bổ kinh phí	
5	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Khoái Châu đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030		Chưa phân bổ kinh phí	
6	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Ân Thi đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030		Chưa phân bổ kinh phí	
7	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Tiên Lữ đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030		Chưa phân bổ kinh phí	
8	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Kim Động đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030		Chưa phân bổ kinh phí	
Tổng cộng			3.974	3.974

2. Việc tuân thủ các quy định trong quá trình thẩm định các quy hoạch

Việc thẩm định, phê duyệt các quy hoạch được tiến hành theo chức năng, thẩm quyền và tuân thủ các quy định của pháp luật. Các quy hoạch được lập, thẩm định và phê duyệt đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phù hợp giữa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội với quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực.

3. Tình hình thực hiện, quản lý quy hoạch

Nhìn chung các dự án Quy hoạch đã phản ánh đầy đủ các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, thực trạng phát triển của từng ngành, lĩnh vực, những mặt làm được, chưa được, những thuận lợi trước mắt và lâu dài, những tồn tại khó khăn cần phải khắc phục ...

Tuy nhiên, bên cạnh một số đơn vị làm tốt công tác quy hoạch còn một số đơn vị chậm trễ trong việc triển khai công tác lập, hoàn chỉnh quy hoạch; một số quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt đề cương và dự toán, nhưng chủ đầu tư chưa triển khai, hoặc triển khai chậm đã ảnh hưởng đến tiến độ (Ví dụ: quy hoạch thủy lợi, quy hoạch mạng lưới xăng dầu, quy hoạch mạng lưới bán buôn bán lẻ,...); điều này cũng đã ảnh hưởng đến kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh và ảnh hưởng đến tình hình thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh (do quy hoạch chưa được phê duyệt nên gây khó khăn cho công tác tiếp nhận, bố trí các dự án đầu tư)...

Việc công khai quy hoạch được tỉnh quan tâm, chú trọng nhưng việc công khai chỉ mới dừng lại ở tính công khai để biết; còn việc nhân dân tham gia góp ý cho quy hoạch còn rất hạn chế. Một số chỉ tiêu quy hoạch thực hiện chưa đạt do khi xây dựng quy hoạch đưa ra chỉ tiêu cao, nguồn lực thực hiện quy hoạch lớn và thực tế không đủ điều kiện thực hiện quy hoạch nên hiệu quả quy hoạch thường chưa cao.

Vướng mắc khi thẩm định, trình duyệt dự án quy hoạch: Các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, các bộ ngành chưa có sự thống nhất chung về

nội dung, định mức dự toán cho công tác lập dự toán quy hoạch ngành, quy hoạch các sản phẩm chủ yếu dẫn đến việc kéo dài thời gian thẩm định hồ sơ của các ngành (vì trước khi trình phê duyệt, phải lấy ý kiến của các bộ, ngành về nội dung và dự toán của hồ sơ thẩm định).

Do chưa có khung pháp lý đồng bộ trong công tác quản lý và thực hiện qui hoạch, nhất là chưa có chế tài, qui định cụ thể, nên việc quản lý quy hoạch còn gặp nhiều khó khăn.

4. Kiến nghị: Đề nghị các bộ ngành thống nhất nội dung, định mức về dự toán cho công tác lập quy hoạch ngành và quy hoạch sản phẩm chủ yếu, áp dụng chung cho tất cả các bộ, ngành, địa phương.

III. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG 30% VỐN NHÀ NƯỚC TRỞ LÊN

1. Tình hình thực hiện dự án

Trong năm 2011, thực hiện Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng về việc Quy định chi tiết một số nội dung Nghị định số 12/2009/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, nhằm giảm tải áp lực công việc cho các cơ quan cấp trên.

Ngày 20/7/2011, UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quyết định số 18/2011/QĐ-UBND về việc quy định phân công nhiệm vụ và phân cấp quản lý trong các lĩnh vực quy hoạch xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh, theo đó:

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Giao các sở quản lý xây dựng chuyên ngành là đơn vị đầu mối thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình;

- Giao UBND cấp huyện, cấp xã:

+ Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý: Chủ tịch UBND tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã phê duyệt dự án hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình do cấp huyện, cấp xã quản lý có sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách cấp trên (bao gồm hỗ trợ từ nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn ngân sách tỉnh quản lý và các nguồn vốn hỗ trợ khác....) có tỷ trọng vốn hỗ trợ đến 50% tổng mức vốn đầu tư; trên 50% thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh;

+ Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước do cấp huyện quản lý: Chủ tịch UBND cấp huyện phân cấp cho UBND cấp xã được quyết định đầu tư các dự án hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật có sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước do cấp huyện quản lý có tỷ

trọng vốn hỗ trợ đến 50% tổng mức vốn đầu tư; trên 50% thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện.

Nhìn chung việc lập, thẩm định và phê duyệt các dự án có sử dụng từ 30% vốn nhà nước trở lên được lãnh đạo các cấp quan tâm chú trọng và bám sát theo các quy định hiện hành. Ngay sau khi có chủ trương đầu tư, các chủ đầu tư đã khẩn trương tiến hành các thủ tục cần thiết để lập dự án (Báo cáo KTKT). Công tác thẩm định tiếp tục được thực hiện nghiêm túc theo chủ trương đầu tư và các quy hoạch được phê duyệt đảm bảo chất lượng và rút ngắn thời gian so với quy định.

2. Tình hình giải ngân cho các dự án

Năm 2013, tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn NSNN và TPCP; Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về những giải pháp chủ yếu khắc phục tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ. Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên đã chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai những giải pháp tập trung kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội, đồng thời thực hiện các chính sách về cắt giảm đầu tư công trong xây dựng cơ bản, chỉ bố trí vốn cho các công trình đang thực hiện dở dang và các công trình trọng điểm.

Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển năm 2013 của tỉnh là 2.729,477 tỷ đồng, bao gồm các nguồn:

- Vốn ngân sách nhà nước 1.809,982 tỷ đồng, tăng 412,5 tỷ đồng so kế hoạch giao đầu năm (tăng 29,5%). Vốn tăng trong năm gồm: 160 tỷ đồng vốn vay Kho bạc Trung ương cho GPMB đường nối 2 đường cao tốc Hà nội – Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình, 195 tỷ đồng vốn vay Ngân hàng phát triển đầu tư cho giao thông nông thôn, 164 tỷ đồng vốn ODA, 10 tỷ đồng nguồn thu bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất và 0,5 tỷ đồng vốn thu từ xổ số kiến thiết. Giảm 117 tỷ đồng vốn từ tiền thu sử dụng đất. Chi tiết các nguồn:

- + Vốn ngân sách tập trung 382,2 tỷ đồng.
- + Vốn hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp hàng hóa, dịch vụ công ích 2 tỷ đồng.
- + Vốn thu từ tiền sử dụng đất 600 tỷ đồng.
- + Vốn Trung ương hỗ trợ theo mục tiêu 147,801 tỷ đồng.
- + Vốn đầu tư phát triển thuộc chương trình mục tiêu quốc gia 34,981 tỷ đồng.
- + Vốn ODA 210 tỷ đồng, kế hoạch giao đầu năm 46 tỷ đồng, thực hiện tăng 164 tỷ đồng.
- + Vốn vay Ngân hàng phát triển đầu tư cho giao thông nông thôn 195 tỷ đồng.
- + Vốn từ nguồn thu bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất 70 tỷ đồng.
- + Chuyển nguồn vốn vay Kho bạc Trung ương cho GPMB đường nối 2 đường cao tốc Hà nội – Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình 160 tỷ đồng.
- + Vốn thu từ xổ số kiến thiết 8 tỷ.

- Vốn trái phiếu Chính phủ 919,495 tỷ đồng (chưa bao gồm 161 tỷ đồng vốn ứng trước kế hoạch năm 2014-2015 cho 2 dự án: Bệnh viện Sản – Nhi và đường tỉnh lộ 200), trong đó: Lĩnh vực thủy lợi 587,251 tỷ đồng, giao thông 190,213 tỷ

đồng (trong đó thu hồi vốn ứng trước 100 tỷ đồng), y tế 132 tỷ đồng và kiên cố hóa trường, lớp học 10,031 tỷ đồng). Cụ thể tình hình thực hiện các nguồn vốn như sau:

2.1. Nguồn vốn XDCB thuộc tỉnh quản lý

Tổng số vốn XDCB thuộc tỉnh quản lý 305 tỷ đồng, tính đến 31/12/2013 khối lượng thực hiện khoảng 325 tỷ đồng, đạt 106% KH vốn năm, số vốn cấp phát 305 tỷ đồng, bằng 100% KH vốn.

2.2. Nguồn vốn XDCB thuộc huyện, xã quản lý

Tổng số vốn XDCB thuộc huyện quản lý 77,2 tỷ đồng nguồn ngân sách tập trung tỉnh phân cấp cho huyện, thành phố; Tính đến 31/12/2013 khối lượng thực hiện khoảng 81 tỷ đồng, đạt 105% KH vốn năm, số vốn cấp phát 77,2 tỷ đồng, bằng 100% KH vốn.

2.3. Nguồn thu xổ số kiến thiết

Kế hoạch giao đầu năm 7,5 tỷ đồng, ước thực hiện thu năm 2013 là 8 tỷ đồng, tính đến 31/12/2013 khối lượng thực hiện khoảng 8 tỷ đồng, đạt 107% KH giao đầu năm, số vốn cấp phát 7,5 tỷ đồng, bằng 100% KH vốn.

2.4. Nguồn thu từ tiền sử dụng đất 600 tỷ đồng: giảm so với KH giao đầu năm 2013 là 117 tỷ đồng, đạt 83,7% kế hoạch.

2.5. Nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ theo mục tiêu của địa phương

2.5.1. Nguồn vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương.

Tổng số vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương là 147,801 tỷ đồng. Tính đến 31/12/2013 khối lượng thực hiện khoảng 145 tỷ đồng, đạt 98,1% KH vốn năm, số vốn cấp phát 142,47 tỷ đồng, đạt 96,4% KH vốn; trong đó: Cơ sở hạ tầng du lịch, kế hoạch 5,524 tỷ, khối lượng thực hiện 6 tỷ đồng; chương trình nâng cấp đê sông, đê biển, kế hoạch 23,004 tỷ, khối lượng thực hiện 25 tỷ; hỗ trợ các bệnh viện tỉnh, huyện, kế hoạch 11,96 tỷ, khối lượng thực hiện 11,96 đạt 100% KH vốn năm; hỗ trợ trụ sở xã, kế hoạch 3,227 tỷ, khối lượng thực hiện 5 tỷ; chương trình phát triển kinh tế xã hội các vùng 82 tỷ, khối lượng thực hiện 85 tỷ; đối ứng các công trình ODA, kế hoạch 13,8 tỷ, khối lượng thực hiện 14 tỷ; chương trình giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản 6,446 tỷ đồng, khối lượng thực hiện 1,5 tỷ; chương trình khắc phục hậu quả bom mìn theo Quyết định số 504/QĐ-TTg ngày 21/4/2010 là 1,84 tỷ, khối lượng thực hiện 2 tỷ. Các chương trình đều cấp phát đạt 100% KH vốn giao. Riêng chương trình giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản đến hết 31/12/2013 ước giải ngân được khoảng 1,11 tỷ đồng; còn lại 5,33 tỷ đồng chưa giải ngân, hiện tại tỉnh đang đề nghị bộ, ngành trung ương cho phép chuyển nguồn sang thanh toán trong kế hoạch năm 2014.

2.5.2. Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia:

Năm 2013, kế hoạch vốn đầu tư thuộc chương trình mục tiêu quốc gia 34,981 tỷ đồng; tính đến hết 31/12/2013 khối lượng thực hiện 36 tỷ đồng, đạt 103% kế hoạch, cấp phát 34,98 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch năm.

2.6. Vốn trái phiếu Chính phủ

Năm 2013, vốn trái phiếu Chính phủ 915,495 tỷ đồng (bao gồm: Lĩnh vực thủy lợi 587,251 tỷ đồng, giao thông 190,213 tỷ đồng (trong đó thu hồi vốn ứng trước 100 tỷ đồng), y tế 132 tỷ đồng và kiên cố hóa trường, lớp học 10,031 tỷ đồng).

a) Đầu tư cho lĩnh vực thủy lợi: Tổng số vốn trái phiếu Chính phủ đầu tư cho lĩnh vực thủy lợi 587,251 tỷ. Tính đến 31/12/2013 khối lượng thực hiện khoảng 600 tỷ đồng, đạt 102% KH vốn năm, số vốn cấp phát 587,25 tỷ, đạt 100% KH vốn.

b) Đầu tư cho lĩnh vực giao thông: Vốn trái phiếu Chính phủ đầu tư cho lĩnh vực giao thông năm 2013 là 190,213 tỷ đồng (trong đó thu hồi vốn ứng trước 100 tỷ đồng). Tính đến 31/12/2013 khối lượng thực hiện 225 tỷ, giải ngân 190,2 tỷ, đạt 99,9% KH vốn năm.

c) Đầu tư cho lĩnh vực y tế: Tổng số vốn đầu tư cho lĩnh vực y tế 132 tỷ đồng, tính đến 31/12/2013 khối lượng thực hiện khoảng 142 tỷ, đạt 107% KH vốn năm, số vốn cấp phát 132 tỷ đồng, đạt 100% KH vốn năm.

d) Đầu tư xây dựng kiên cố hóa trường, lớp học và nhà ở công vụ cho giáo viên: Tổng số vốn đầu tư xây dựng kiên cố hóa 10,031 tỷ đồng; Tính đến 31/12/2013 khối lượng thực hiện và cấp phát 10,031 tỷ đồng, đạt 100% KH vốn.

IV. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG CÁC NGUỒN VỐN KHÁC

Trong năm 2013, số dự án được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư là 83 dự án, tổng vốn đăng ký là 14.224 tỷ đồng; các dự án được tiếp nhận trong năm chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực như: Sản xuất linh kiện điện tử và sản xuất thiết bị điện, phụ tùng cho xe có động cơ như: xe gắn máy, ô tô; ngành đầu tư về kinh doanh xây dựng, bất động sản; sản xuất, thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y, sản xuất chế biến thực phẩm...

Tính đến 31/12/2013, số lượng dự án đầu tư còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh là 1.091 dự án; trong đó: dự án có vốn đầu tư nước ngoài là 264 dự án, số vốn đầu tư đăng ký đạt 2.346,18 triệu USD; dự án có vốn đầu tư trong nước là 828 dự án, tổng số vốn đầu tư đăng ký đạt 67.241 tỷ đồng. Do thị trường trong nước và thế giới có những diễn biến theo hướng không thuận lợi, nên một số nhà đầu tư đã không còn khả năng đầu tư hoặc chuyển hướng đầu tư sang lĩnh vực hay khu vực khác, đã tác động lớn đến tình hình thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Các dự án đi vào hoạt động sản xuất đã góp phần tích cực trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, đóng góp tỷ trọng chính vào nguồn thu ngân sách của tỉnh. Ngoài các dự án đầu tư được triển khai đúng tiến độ, kết quả triển khai tốt, vẫn còn một số dự án triển khai chưa đúng tiến độ đầu tư, vi phạm các quy định của Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Môi trường,... năm 2013 có 21 dự án vi phạm về bảo vệ môi trường, 07 dự án vi phạm về sử dụng đất đai, 16 dự án vi phạm về tài nguyên nước. Trong số các dự án vi phạm các quy định về đất đai và đầu tư nêu trên, thu hồi 10 dự án.

V. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ

1. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo

Qua tổng hợp tình hình và kết quả công tác giám sát, đánh giá đầu tư năm 2013 cho thấy việc báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư của các đơn vị thực hiện theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tuy nhiên vẫn còn một số đơn vị chất lượng báo cáo chưa đảm bảo theo yêu cầu.

2. Kết quả kiểm tra, đánh giá dự án đầu tư

- Việc chuẩn bị đầu tư (lập, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt dự án) thực hiện đảm bảo quy định; các quyết định phê duyệt dự án phù hợp với quy hoạch, kế hoạch, chương trình đầu tư của ngành, địa phương; đúng theo thẩm quyền. Các quyết định đầu tư có tính khả thi cao về mục tiêu, công nghệ, môi trường và hiệu quả đầu tư;

- Việc chấp hành các quy định về lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế, tổng dự toán; công tác đấu thầu; điều kiện khởi công xây dựng... được thực hiện theo đúng quy định. Việc bố trí kế hoạch huy động và sử dụng vốn của dự án được thực hiện đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Công tác phân bổ vốn đảm bảo mục tiêu và cơ cấu ngành theo quyết định giao kế hoạch. Việc áp dụng và chấp hành các chính sách, chế độ quy định của Nhà nước, của ngành và địa phương cơ bản đảm bảo. Năng lực của các Ban Quản lý dự án được Chủ đầu tư thành lập theo quy định về tiêu chuẩn cán bộ kỹ thuật chuyên môn, kinh nghiệm quản lý, vẫn có một số Ban Quản lý dự án hoạt động chưa hiệu quả; các Ban Quản lý chuyên ngành của địa phương được thành lập theo quy định của Luật Xây dựng.

VI. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

- Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

+ Cần tiếp tục tổ chức mở các lớp tập huấn, nâng cao nghiệp vụ về công tác giám sát đánh giá đầu tư nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn của đội ngũ làm công tác quản lý của các ngành, các cấp và của các Chủ đầu tư trong việc theo dõi, giám sát, đánh giá các dự án thuộc phạm vi trách nhiệm của mình quản lý;

+ Tổ chức các buổi hội thảo, ngoài việc nghe giảng và trao đổi tại hội trường, cần bố trí đi thực tế ở các địa phương đã triển khai tốt để nghiên cứu, học hỏi, chia sẻ những kinh nghiệm về công tác giám sát đánh giá đầu tư;

+ Ngoài mở các lớp tập huấn cho Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố, cần mở thêm các lớp tập huấn riêng cho UBND các huyện, thị và các chủ dự án về quản lý thực hiện dự án để UBND các huyện, thị xã và các chủ đầu tư thấy rõ tầm quan trọng của công tác giám sát, đánh giá đầu tư và làm tốt công tác này;

+ Nghiên cứu sửa đổi các mẫu biểu báo cáo theo hướng đơn giản, dễ hiểu để các Chủ đầu tư dễ thực hiện.

- Đề nghị Bộ Xây dựng:

+ Xem xét, có quy định cho phép được điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án trong trường hợp có biến động bất thường của giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu hoặc do Nhà nước ban hành các chế độ, chính sách mới ảnh hưởng đến mặt bằng giá đầu tư xây dựng công trình. Đồng thời, làm rõ mức biến động thế nào được gọi là “biến động bất thường” để làm cơ sở áp dụng trong quá trình quản lý chi phí.

+ Có quy định thống nhất về trách nhiệm công bố chỉ số giá xây dựng; quy định cho phép thuê tổ chức tư vấn khảo sát, tính toán để cơ quan có chức năng công bố chỉ số giá xây dựng trong trường hợp không đủ điều kiện năng lực để tự thực hiện.

- Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn việc bố trí và sử dụng kinh phí để triển khai thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Thông tư số 22/2010/TT-BKH ngày 02/12/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Đề nghị Chính phủ quan tâm nhiều hơn nữa, tạo nguồn lực đầu tư phát triển cho các địa phương có khó khăn về nguồn vốn đầu tư như tỉnh Hưng Yên;

Trên đây là Báo cáo đánh giá tổng thể đầu tư trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2013 (có phụ biểu chi tiết đính kèm) và các đề xuất kiến nghị, UBND tỉnh Hưng Yên trân trọng báo cáo để Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính Phủ./. *a*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, TH^D.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Thơi
Nguyễn Xuân Thơi

Phụ biểu 01
Tình hình thực hiện đầu tư trong kỳ báo cáo
(Kèm theo Báo cáo số: 08 /BC-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2014
của UBND tỉnh Hưng Yên)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư thực hiện theo quý				Tổng cộng
	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
I. Dự án sử dụng 30% vốn nhà nước trở nên					
Kế hoạch					2.723.977
Thực hiện	472.125	728.527	715.300	808.525	2.723.977
% hoàn thành	17,3	26,74	26,26	29,68	100,00
II. Dự án sử dụng nguồn vốn khác					
Kế hoạch					0.000
Thực hiện	0	0	0	0	0
% hoàn thành	0	0	0	0	0
III. Tổng cộng					
1. Vốn nhà nước					
Kế hoạch					2.723.977
Thực hiện	472.125	728.527	715.300	808.525	2.723.977
% hoàn thành	17,3	26,74	26,26	29,68	100,00
% hoàn thành so với cùng kỳ năm trước	123,89	117,50	144,63	147,36	133,25
2. Vốn khác					
Kế hoạch					3.450.000
Thực hiện	750.000	807.000	705.000	850.000	3.112.000
% hoàn thành	21,74	23,39	20,43	24,64	90,20
% hoàn thành so với cùng kỳ năm trước	166,67	201,75	42,73	50,90	74,63
3. Tổng cộng					
Kế hoạch					6.173.977
Thực hiện	1.222.125	1.535.527	1.420.300	1.658.525	5.835.977
% hoàn thành	19,79	24,87	23,00	26,86	94,53
% hoàn thành so với cùng kỳ năm trước	147,05	150,54	66,23	74,75	93,91

Phụ biểu 02
Tình hình thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư
các dự án sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên
(kèm theo Báo cáo số: 08 /BC-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Nội dung	Tổng số	Phân theo nhóm		
			A	B	C
I	Chuẩn bị đầu tư				
1	Số dự án có kế hoạch chuẩn bị đầu tư trong kỳ	71	0	5	66
	- Số dự án sử dụng nguồn vốn NS tỉnh	43	0	5	38
	- Số dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách huyện	28	0	0	28
2	Số dự án được thẩm định trong kỳ	74	0	5	69
	- Số dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của các cơ quan cấp tỉnh	40	0	5	35
	- Số dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của UBND cấp huyện	34	0	0	34
3	Số dự án có quyết định đầu tư trong kỳ	73	0	4	69
	- Thuộc thẩm quyền phê duyệt UBND tỉnh	39	0	4	35
	- Thuộc thẩm quyền phê duyệt UBND cấp huyện	34	0	0	34
II	Thực hiện đầu tư				
1	Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ	72	2	2	68
2	Số dự án khởi công mới trong kỳ	53	0	8	45
3	Số dự án đã thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định trong kỳ	31	2	0	29
4	Số dự án đã thực hiện kiểm tra trong kỳ	18	2	0	16
5	Số dự án đã thực hiện đánh giá dự án trong kỳ	7	2	0	5
6	Số dự án có vi phạm về thủ tục đầu tư được phát hiện trong kỳ	0	0	0	0
a	Không phù hợp với quy hoạch	0	0	0	0
b	Phê duyệt không đúng thẩm quyền	0	0	0	0
c	Không thực hiện đầy đủ trình tự thẩm tra,	0	0	0	0

	thẩm định dự án				
7	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý chất lượng được phát hiện trong kỳ (theo quy định về quản lý chất lượng hiện hành)	0	0	0	0
8	Số dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện trong kỳ (sau khi thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, quyết toán)	0	0	0	0
a	Tổng vốn đầu tư của các dự án có thất thoát, lãng phí bị phát hiện	0	0	0	0
b	Tổng số tiền bị thất thoát, lãng phí được xác định	0	0	0	0
9	Số dự án chậm tiến độ trong kỳ	26	1	0	25
a	Số dự án chậm tiến độ do thủ tục đầu tư	0	0	0	0
b	Số dự án chậm tiến độ do công tác giải phóng mặt bằng	27	1	1	25
c	Số dự án chậm tiến độ do năng lực của chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các nhà thầu	0	0	0	0
d	Số dự án chậm tiến độ do bố trí vốn không kịp thời	14	0	0	14
đ	Số dự án chậm do các nguyên nhân khác	1	1	0	0
10	Số dự án phải điều chỉnh trong kỳ	21	0	0	21
a	Số dự án phải điều chỉnh mục tiêu, quy mô đầu tư				
b	Số dự án phải điều chỉnh vốn đầu tư				
c	Số dự án phải điều chỉnh tiến độ đầu tư				
d	Số dự án phải điều chỉnh địa điểm đầu tư	0	0	0	0
11	Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do khác nhau				
12	Số dự án thực hiện lựa chọn nhà thầu trong kỳ	78	1	15	62
a	Tổng số gói thầu đã tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kỳ	431	1	72	352
-	Chỉ định thầu	351	7	54	291
-	Đấu thầu hạn chế	0	0	0	0
-	Đấu thầu rộng rãi	66		15	51
-	Hình thức khác	13	0	3	10

a

b	Tổng số gói thầu có vi phạm thủ tục đấu thầu được phát hiện trong kỳ	0	0	0	0
-	Đấu thầu không đúng quy định	0	0	0	0
-	Ký hợp đồng không đúng quy định	0	0	0	0
III	Kết thúc đầu tư, bàn giao đưa vào sử dụng	241	0	49	192
1	Số dự án kết thúc đầu tư trong kỳ	202	0	49	153
2	Số dự án đã thực hiện thủ tục quyết toán hoàn thành dự án trong kỳ	39	0	0	39
3	Số dự án đã đưa vào sử dụng nhưng không có hiệu quả	0	0	0	0

✓